

Số: 01/TTr-VJEC 2020

TP.HCM, ngày 6 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thay thế học các phần tiếng Anh bằng các học phần tiếng Nhật
trong khung chương trình đào tạo Kỹ sư

Kính gửi: Ban Giám hiệu
Phòng Đào tạo

Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-ĐHSPKT ngày 5 tháng 8 năm 2020 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo kỹ sư trình độ đại học;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cho các sinh viên chọn chuẩn đầu ra tiếng Nhật và giảm áp lực cho các sinh viên khi chọn chuẩn đầu ra tiếng Nhật, Trung tâm Việt Nhật kính đề nghị Ban Giám hiệu nhà trường:

Cho phép chuyển đổi tương đương số tín chỉ ngoại ngữ của sinh viên khi lựa chọn chuẩn đầu ra tiếng Nhật theo các hệ như sau:

- Đối với hệ đào tạo đại trà: Đưa bốn học phần tiếng Nhật: tiếng Nhật 1 (3TC), tiếng Nhật 2(3TC), tiếng Nhật 3 (3TC), tiếng Nhật sơ cấp 4(3TC) vào trong chương trình đào tạo để thay thế cho bốn học phần tiếng Anh tương ứng Anh văn 1(3TC), Anh văn 2(3TC), Anh văn 3(3TC), Anh văn 4(3TC) trong khung chương trình đào tạo kỹ sư áp dụng từ khóa 2019 trở về sau.
- Đối với hệ đào tạo chất lượng cao tiếng Việt: Đưa hai học phần tiếng Nhật 3(3TC), tiếng Nhật 4(3TC) để thay thế cho hai học phần tiếng Anh tương ứng Anh văn 4(3TC), Anh văn 5(3TC) trong khung chương trình đào tạo kỹ sư áp dụng từ khóa 2019 trở về sau.

Để khuyến khích sinh viên chọn tiếng Nhật làm chuẩn đầu ra và giúp sinh viên giảm áp lực khung chương trình học tập, kính mong Ban giám hiệu và phòng Đào tạo phê duyệt nội dung trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Phòng Đào tạo



PGS.TS Nguyễn Trung Kiên

TT. Việt Nhật VJEC

Giám đốc



PGS.TS Trần Thu Hà

PHÊ DUYỆT BAN GIÁM HIỆU



PGS.TS Đỗ Văn Dũng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VJEC.

BẢNG KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC PHẦN

TT	TRÌNH ĐỘ VĂN BẰNG TƯƠNG ĐƯƠNG	Tên quy định Tên quy định trong phụ lục	TRÌNH ĐỘ CÁC LỚP TẠI VJEC	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ									
							1	2	HÈ 1	3	4	HÈ 2	5	6	HÈ 3	7
1	N5	Tiếng Nhật 1	JPA1.1	JPA1.1	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA1.1	3	2+1									
		Tiếng Nhật 2	JPA1.2	JPA1.2	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA1.2	3	2+1									
2		Tiếng Nhật 3	JPA2	JPA2.1	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA2.1	3		2+1								
				JPA2.2	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA2.2	3		2+1								
3	N4	Tiếng Nhật 4	JPA3	JPA3.1	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA3.1	3			THI N5	2+1						
				JPA3.2	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA3.2	3				2+1						
4		Tiếng Nhật 5	JPA4	JPA4.1	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA4.1	3				2+1						
				JPA4.2	Tiếng Nhật Sơ cấp JPA4.2	3				2+1						
7	N3	Tiếng Nhật trung cấp 1	JPB1.1	JPB1.1	Tiếng Nhật trung cấp JPB1.1	3*							3*			
		Tiếng Nhật trung cấp 2	JPB1.2	JPB1.2	Tiếng Nhật trung cấp JPB1.2	3*							3*	THI N3		
8		Tiếng Nhật trung cấp 3	JPB2.1	JPB2.1	Tiếng Nhật trung cấp JPB2.1	2*										2*
					Tiếng Nhật trung cấp 4	JPB2.2	JPB2.2	Tiếng Nhật trung cấp JPB2.2	2*							
5					Tiếng Nhật chuyên ngành	2						THI N4	2			
6					Văn hóa Nhật Bản	2		2								
					Tổng tích lũy TC	28	6	8		6	6		2	0		0
					Tổng	38	6	8		6	6		2	6*		4*

PHỤ LỤC II

Quy định chuyển đổi các chứng chỉ tiếng Nhật
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHSPKT ngày 01 tháng 09 năm 2020
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh)

Chương trình tiếng Nhật	Chương trình VJEC	Chứng chỉ Quốc tế tiếng Nhật			Tiếng Nhật 1	Tiếng Nhật 2	Tiếng Nhật 3	Tiếng Nhật 4	Tiếng Nhật 5	Tiếng Nhật trung cấp 1	Tiếng Nhật trung cấp 2	Tiếng Nhật trung cấp 3	Tiếng Nhật trung cấp 4	Ghi chú		
		JLAN,	NATTEST, (TOPJ, JTEST,...)	JLPT												
Tiếng Nhật trung cấp																
Tiếng Nhật trung cấp 4	JPB2.2	X	N3	≥160	N3	≥155	10	10	10	10	10	10	10	Chuẩn đầu ra cho hệ đào tạo chất lượng cao Việt Nhật.		
				150		145	10	10	10	10	10	10	9		9	
				140		135	10	10	10	10	10	10	10		9	8
				130		125	10	10	10	10	10	10	10		8	7
Tiếng Nhật trung cấp 3	JPB2.1	X	N3	120	N3	115	10	10	10	10	10	10	10	7	7	
				100		95	10	10	10	10	10	10	10	10	7	6
Tiếng Nhật trung cấp 2	JPB1.2	X	N3	100	N3	95	10	10	10	10	10	10	X	X	X	
Tiếng Nhật trung cấp 1	JPB1.1	X	N4	≥160	N4	≥155	10	10	10	10	9	6	X	X	X	
				150		145	10	10	10	10	7	6				
				140		135	10	10	10	10	7	5				

